**`CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU,**

**GÓP PHẦN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

**Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

**NỘI DUNG**

# **I. Tổng quan về biến đổi khí hậu và ảnh hưởng biến đổi khí hậu vào Việt Nam**

**1. Về biến đổi khí hậu**

Biến đổi khí hậu có tác động đến sự tồn vong của toàn cầu, nó tạo ra những thách thức to lớn, ảnh hưởng nặng nề tới mục tiêu phát triển của một quốc gia. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng trầm trọng của biến đổi khí hậu.

**a, Khí hậu là gì?**

Khí hậu là tổng hợp các điều kiện thời tiết ở một khu vực nhất định, đặc trưng bởi các đại lượng thống kê dài hạn của các yếu tố khí tượng tại khu vực đó. Nói cách khác, khí hậu là mô tả về thời tiết trung bình trong một khoảng thời gian dài, thường là 30 năm.

Khí hậu bao gồm các yếu tố sau: Nhiệt độ, Lượng mưa, độ ẩm, áp xuất khí quyển, gió, Vị trí địa lý ( ánh sáng, nhiẹt độ) Độ cao( nhiệt độ và lượng mưa) Địa hình (hướng gió và lượng mưa), Dòng hải lưu( khí hậu của các khu vực ven biển).

**b, Khí hậu đóng vai trò quan trọng tác động toàn diện đến cuôc sống của con người (**Ảnh hưởng đến các hoạt động nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và sức khỏe,…). Biến đổi khí hậu là một vấn đề môi trường toàn cầu đang ảnh hưởng đến khí hậu của Trái Đất.

**c, Biến đổi khí hậu là gì?**

Biến đổi khí hậu là sự thay đổi về nhiệt độ và các mô hình thời tiết trung bình trên một khoảng thời gian dài, do sự gia tăng nồng độ khí nhà kính trong bầu khí quyển. Có nhiều định nghĩa về biến đổi khí hậu.

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam: Biến đổi khí hậu là sự thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa, gió và các hiện tượng thời tiết khác trên diện rộng và trong thời gian dài do tác động của con người và nguyên nhân tự nhiên

**d, Các dấu hiệu, biểu hiện của biến đổi khí hậu**

Nhiệt độ trung bình toàn cầu tăng: Theo IPCC, nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng khoảng 1°C so với thời kỳ tiền công nghiệp và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong tương lai.

Biên độ nhiệt độ ngày càng lớn: Các đợt nóng gay và lạnh giá trở nên thường xuyên và dữ dội hơn.

Lượng mưa trung bình thay đổi: Một số khu vực có lượng mưa tăng, dẫn đến lũ lụt, sạt lở đất; trong khi một số khu vực khác có lượng mưa giảm, dẫn đến hạn hán.

Băng tan: Băng ở hai cực và trên các đỉnh núi tan chảy nhanh chóng, dẫn đến mực nước biển dâng cao.

Mực nước biển dâng cao: Mực nước biển dâng cao đe dọa các khu vực ven biển, gây ra xâm nhập mặn, sạt lở bờ biển.

Hạn hán: Hạn hán kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, nguồn nước sinh hoạt và môi trường sống.

Lũ lụt: Lũ lụt xảy ra thường xuyên và dữ dội hơn, gây thiệt hại về người và tài sản.

Bão: Bão có xu hướng mạnh hơn và di chuyển với tốc độ nhanh hơn.

Suy giảm đa dạng sinh học: Biến đổi khí hậu đe dọa sự sống còn của nhiều loài sinh vật, dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học.

Ảnh hưởng đến đời sống toàn diện của con người đặc biệt là sức khỏe con người (Biến đổi khí hậu làm gia tăng các bệnh truyền nhiễm, bệnh về đường hô hấp, tim mạch,...)

**Tóm lại:** Biến đổi khí hậu là vấn đề chung của các quốc gia toàn cầu, không riêng Việt Nam, nó ảnh hưởng đến mọi quốc gia, mọi ngành công nghiệp và mọi cá nhân trên thế giới. Đây không chỉ là vấn đề môi trường mà còn là vấn đề kinh tế, xã hội và chính trị, đòi hỏi sự hợp tác và hành động quyết liệt từ tất cả các bên liên quan từ chính phủ, doanh nghiệp cho đến mỗi cá nhân. Một trong những thách thức rất lớn đối với sự tồn vong của nhân loại trong thế kỷ XXI.

**e, Nguyên nhân của biến đổi khí hậu**

* **Nguyên nhân tự nhiên**

Hoạt động núi lửa: Khi núi lửa phun trào, nó thải ra lượng lớn khí và tro vào bầu khí quyển.

Biến đổi quỹ đạo của Trái Đất ảnh hưởng đến lượng ánh sáng mặt trời mà Trái Đất nhận được, từ đó ảnh hưởng đến khí hậu.

Búc xạ của mặt trời xói xuống trái đất mạnh mẽ hơn.

Các dòng hải lưu chuyển động nước nóng và lạnh qua các đại dương, ảnh hưởng đến khí hậu khu vực và toàn cầu làm thay đổi mô hình thời tiết và khí hậu.

* **Nguyên nhân do con người**

*Hoạt động của con người*, đặc biệt là việc phát thải khí nhà kính, là nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu. Khí nhà kính giữ nhiệt trong bầu khí quyển, khiến cho nhiệt độ Trái Đất tăng lên.

*Quá trình sản xuất điện và nhiệt từ việc đốt cháy các nguồn nhiên liệu hóa thạch* tạo ra một lượng lớn khí thải trên toàn cầu, được tạo ra thông qua việc đốt than, dầu hoặc khí đốt, gây ra cacbon dioxit và nitơ oxit

*Sản xuất hàng hoá các ngành sản xuất và công nghiệp* tạo ra lượng khí thải đáng kể, đặc biệt là từ quá trình đốt cháy nhiên liệu hóa thạch để sản xuất( sản xuất xi măng, sắt, thép, điện, nhựa, quần áo

*Ngành công nghiệp sản xuất là một trong những nhân tố lớn làm phát thải khí nhà kính trên toàn cầu*.Máy móc sử dụng nhiên liệu như than, dầu hoặc khí đốt, một số vật liệu như nhựa được sản xuất từ các hóa chất có nguồn gốc từ nhiên liệu hóa thạch.

*Chặt phá rừng tạo ra lượng khí thải do cây xanh bị chặt bỏ* thải ra lượng carbon trong đó. Mỗi năm, khoảng 12 triệu hecta rừng bị hủy diệt, làm giảm khả năng của tự nhiên trong việc hấp thụ carbon dioxide và giảm khí thải trong bầu khí quyển.

*Sử dụng phương tiện giao thông*; hầu hết các phương tiện như ô tô, xe tải, tàu thuyền và máy bay hiện nay vẫn sử dụng nhiên liệu hóa thạch để hoạt động, khí thải từ tàu thuyền và máy bay đang tăng lên.

*Sản xuất lương thực tạo ra khí thải theo nhiều phương thức khác nhau(* mở rộng đất canh tác, chăn nuôi, sản xuất thức ăn cho gia súc, sử dụng phân bón trong nông nghiệp, vận hành các thiết bị trong nông trại, tàu cá…)

*Cấp điện cho các tòa nhà:* Tòa nhà dân cư và trung tâm thương mại tiêu thụ hơn một nửa tổng tiêu thụ điện trên toàn cầu( sử dụng liên tục than, dầu, điện, khí tự nhiên để sưởi ấm và làm mát từ máy sưởi, điều hòa đã gây ra một lượng khí thải nhà kính đáng kể).

*Tiêu thụ quá mức năng lượng điện*, cách di chuyển hàng ngày, tiêu thụ hàng hóa như quần áo, thiết bị điện tử và các sản phẩm nhựa. đều góp phần vào việc phát thải khí nhà kính.

# **2. Tác động của biến đổi khí hậu tới Việt Nam**

Theo đánh giá của Tổ chức Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) Việt Nam xếp hạng thứ 23 trong tổng số 193 quốc gia và nằm trong nhóm 30 quốc gia chịu “rủi ro rất cao” về biến đổi khí hậu. Nó được biểu hiện rõ trong các lĩnh vực:

1. *Tài nguyên nước*: dòng chảy tại các trạm thủy văn trên những lưu vực sông chính thấp hơn trung bình nhiều năm. Mực nước nhiều nơi đạt mức thấp nhất lịch sử đã gây thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân, mặn xâm nhập sâu vào vùng cửa sông. Hầu hết các lưu vực sông dòng chảy mùa lũ có xu hướng tăng, lũ lớn và đặc biệt lớn xảy ra. Dòng chảy mùa khô giảm, hạn hán, thiếu nước xảy ra thường xuyên , mặn xâm nhập sâu hơn vào đất liền.
2. *Nông nghiệp và phát triển nông thôn*: biến đổi khí hậu làm thay đổi điều kiện sinh sống của các loài sinh vật, dẫn đến tình trạng biến mất của một số loài sinh vật và ngược lại có thể làm phát sinh một số chủng, nòi sâu bệnh mới; ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của gia súc, gia cầm. Nước biển dâng làm mất hoặc thu hẹp diện tích đất canh tác nông nghiệp, tăng nguy cơ đất bị nhiễm mặn, dẫn đến giảm đất canh tác nông nghiệp, ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản, an ninh lương thực và an toàn thực phẩm. Ảnh hưởng đến các hệ sinh thái rừng và lâm nghiệp. Nước biển dâng tác động đến hệ sinh thái rừng ngập mặn.
3. *Giao thông vận tải*: đường bộ chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu, tiếp đó là đường sắt và đường thủy nội địa. Gia tăng lượng mưa sẽ làm cho 8,8% tổng chiều dài mạng lưới đường sắt có nguy cơ cao bị sạt lở, chủ yếu tập trung ở tuyến đường sắt Bắc - Nam, đoạn miền Trung; hệ thống quốc lộ và khoảng 12% hệ thống tỉnh lộ bị ảnh hưởng.
4. *Phát triển đô thị và nhà ở*: Nước biển dâng gây ngập các đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh, các đô thị ở đồng bằng sông Cửu Long và ven biển miền Trung. Đặc biệt gây tràn hệ thống thoát nước đô thị làm gia tăng nguy cơ bệnh dịch trong cộng đồng. Ở nhiều nơi, nhà ở chưa đảm bảo an toàn trước thiên tai ngày càng tăng do biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu tác động tới nguồn cấp nước và hệ thống mạng lưới cấp nước, hạn chế tiếp cận nước sạch.
5. *Du lịch*: Biến đổi khí hậu tác động trực tiếp tới tài nguyên du lịch, hạ tầng du lịch và hoạt động lữ hành. Các công trình dịch vụ du lịch bị hư hỏng hoặc xuống cấp dưới tác động của bão, lũ. Bão, mưa, gió, nắng gắt hay nhiệt độ tăng cao cũng làm cho vật liệu kiến trúc nhanh xuống cấp, hư hỏng gây ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cơ sở lưu trú, khu vui chơi giải trí.
6. *Sức khỏe cộng đồng, bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em*: Sức khỏe cộng đồng: nhiệt độ tăng, các đợt nắng nóng bùng phát, kéo dài, ô nhiễm không khí và các hiện tượng khí hậu cực đoan khác gây tác động tiêu cực đối với sức khỏe con người làm gia tăng tính dễ bị tổn thương, nhất là với người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người mắc các bệnh mãn tính như tim mạch, thần kinh, xương khớp, hô hấp, dị ứng. Biến đổi khí hậu tạo thuận lợi cho vector truyền bệnh phát triển làm tăng khả năng bùng phát và lây lan các bệnh dịch như cúm A (H1N1, H5N1, H7N9), tiêu chảy, dịch tả, lỵ, sốt rét, sốt xuất huyết, sốt vàng da, thương hàn, viêm não do vi-rút, viêm não Nhật Bản, hội chứng hô hấp cấp tính nặng (SARS), dịch hạch, zika.
7. *Bình đẳng giới*: Biến đổi khí hậu, thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan gia tăng có những tác động khác nhau đối với nữ giới và nam giới. Một số ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu đến sức khỏe của phụ nữ: tăng tỷ lệ mắc bệnh tật và bệnh dịch, nhất là đối với phụ nữ đang mang thai, bé gái, phụ nữ đang mắc bệnh mạn tính và phụ nữ cao tuổi
8. *Bảo vệ trẻ em:* Biến đổi khí hậu và thiên tai tác động tiêu cực trực tiếp lên sức khỏe của trẻ em, gia đình và cộng đồng; làm tăng các vấn đề và nguy cơ về bảo vệ trẻ em; ảnh hưởng tiêu cực lên sinh kế của các gia đình trẻ có thể không nhận được sự chăm sóc đầy đủ của người lớn, tăng nguy cơ bạo lực gia đình và bạo lực trẻ em.
9. *Thương mại*: Biến đổi khí hậu tác động đến cơ sở hạ tầng thương mại, bao gồm việc gây ngập lụt cục bộ, ảnh hưởng đến bảo quản, lưu thông hàng hóa. Nước biển dâng tác động đến các khu vực cảng biển, cảng sông và các trung tâm thương mại và logistics ven biển.
10. *Năng lượng*: Nhiệt độ tăng dẫn đến nhu cầu tiêu thụ năng lượng tăng do phải sử dụng thiết bị làm mát. Lượng mưa tăng có thể làm tăng sản lượng của các nhà máy thủy điện, trữ nước cho các hồ chứa. Nước biển dâng tác động tiêu cực đến các nhà máy điện, hệ thống truyền tải điện, trạm biến áp, hệ thống đường ống dẫn nhiên liệu, hầm mỏ, bãi than và các cơ sở năng lượng khác ở vùng ven biển.
11. *Công nghiệp*: Nhiệt độ tăng làm tăng tiêu thụ năng lượng trong các ngành công nghiệp, tăng chi phí thông gió, làm mát hầm lò khai thác và làm giảm hiệu suất, sản lượng của các nhà máy điện. Mưa, bão và nước biển dâng tác động đến quá trình vận hành, hệ thống truyền tải và phân phối điện, dàn khoan, đường ống dẫn dầu và khí vào đất liền; ảnh hưởng tới việc cung cấp, tiêu thụ năng lượng. Nếu mực nước biển dâng 100 cm, hầu hết các khu công nghiệp ven biển bị ngập ít nhất là 10% diện tích, cao nhất là ngập 67% diện tích.
12. *Khu vực đồng bằng*: Nếu mực nước biển dâng 100 cm sẽ gây ngập 38,9% diện tích đất của đồng bằng sông Cửu Long, khoảng 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp do mất đất, diện tích trồng lúa bị thu hẹp đáng kể. Các khu vực chịu ảnh hưởng lớn của nước biển dâng tập trung ở một số địa điểm thuộc các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang và Kiên Giang. Gia tăng xâm nhập mặn cùng tác động của hạn hán ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng cấp nước ngọt, suy giảm chất lượng nước. Nếu mực nước biển dâng 100 cm, khoảng 3% diện tích vùng đồng bằng Bắc Bộ có nguy cơ ngập, trong đó có 1,4% là diện tích trồng lúa, 0,6% là khu dân cư, 0,2% là đất làm muối và 0,8% là các loại đất khác; nhiều tỉnh thuộc khu vực bị mất đất do ngập khá nghiêm trọng: Thái Bình mất 31,2% diện tích đất, Nam Định 24%, thành phố Hải Phòng 17,4%… Năng suất lúa có thể giảm từ 8% đến 15% vào năm 2030 và có thể lên tới 30% vào năm 2050
13. *Khu vực ven biển*: Khu vực ven biển Việt Nam chịu tác động nghiêm trọng của nước biển dâng, thường xuyên chịu tác động bởi các hiểm họa liên quan đến khí hậu như bão và áp thấp nhiệt đới, lũ lụt và sạt lở đất. Biến đổi khí hậu làm gia tăng các quá trình thoái hóa đất, tăng diện tích nhiễm mặn gây giảm sút sản lượng lúa và nhiều hậu quả khác về môi trường
14. *Khu vực miền núi*: Tăng nhiệt độ tại vùng núi Đông Bắc, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ảnh hưởng tới ngành nông nghiệp, đa dạng sinh học, sản xuất và tiêu thụ năng lượng và sức khỏe cộng đồng. Lũ lụt tại vùng núi Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên sẽ ảnh hưởng tới ngành nông nghiệp, tài nguyên nước, giao thông vận tải, sức khỏe và đời sống người dân, nơi cư trú. **Nhóm đối tượng chịu tác động mạnh chủ yếu là dân cư miền núi, nhất là người dân tộc ít người, người già, phụ nữ, trẻ em.** Lũ lụt, bão gây thiệt hại nghiêm trọng cho các công trình cơ sở hạ tầng, bao gồm cơ sở hạ tầng nông thôn, các công trình kiểm soát phòng chống lụt bão và công trình thủy lợi. Biến đổi khí hậu làm cho cường độ của các trận lũ quét có xu thế gia tăng, tác động nhiều hơn đến đời sống dân cư

**II. Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng đồng bào DTTS**

**1. Tình hình chung về dân tộc và vùng dân tộc thiểu số**

**a, Về dân tộc thiểu số (DTTS)**

Đất nước ta có 54 thành phần dân tộc anh em, là một quốc gia đa dân tộc. Tính đến thời điểm 01/4/2019, ngoài dân tộc Kinh (chiếm 85,3% dân số cả nước), cộng đồng 53 dân tộc thiểu số (DTTS) tại Việt Nam có hơn 14 triệu người (chiếm 14,7% dân số cả nước) với hơn 3 triệu hộ.

* Nam giới: 7.073.907 người, chiếm tỷ lệ 50,1%
* Nữ giới: 7.045.349 người, chiếm tỷ lệ 49,9%
* Quy mô dân số không đồng đều:

+ Có 6 dân tộc trên 1 triệu người (Tày, Mông, Thái, Mường, Khmer, Hoa)

+ 30 dân tộc có từ 10.000 đến dưới 500.000 người.

+ 14 dân tộc (gồm: Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cơ Lao, Bố Y, Cống, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu và Ơ đu) có số dân dưới 10.000 người.

+ Đặc biệt có 5 dân tộc (Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu và Ơ Đu) có dân số rất ít người, dưới 1.000 người

Cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam có một số đặc điểm rất đặc thù như:

* Quy mô dân số giữa các dân tộc không đều nhau.
* Ngoại trừ dân tộc Kinh, Khmer, Chăm, Hoa chủ yếu sinh sống ở đồng bằng và thành thị, các dân tộc còn lại chủ yếu sinh sống thành cộng đồng ở khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng KT-XH ĐBKK với địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, đồi núi, đọ dốc cao, vùng của biển, khí hậu khắc nghiệt
* Cộng đồng các dân tộc có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong suốt chiều dài lịch sử xây dựng, bảo vệ đất nước.
* Các dân tộc phát triển không đồng đều về KT-XH. Năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số chiếm tới 61,29% tổng số hộ nghèo cả nước; thu nhập bình quân đầu người của đồng bào dân tộc thiểu số chỉ bằng 0,3 lần mức bình quân chung cả nước).
* Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, (ngôn ngữ, phong tục, tập quán, trang phục…), tạo nên sự đa dạng phong phú, thống nhất của nền văn hoá Việt Nam.

**b, Về vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Bao gồm 3.434 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn 51 tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Phân định theo trình độ phát triển có: 1.673 xã khu vực I, 210 xã khu vực II và 1.551 xã khu vực III; ngoài xã ĐBKK còn có 13.222 thôn ĐBKK (11.179 thôn của xã khu vực III; 736 thôn của xã khu vực II, 1.184 thôn của xã khu vực I và 123 thôn của các xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Giàu tiềm năng, lợi thế về kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, khoáng sản, thủy điện, du lịch, kinh tế biên mậu...; có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

Các thế lực thù địch luôn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền, xuyên tạc, kích động, lôi kéo đồng bào vào các hoạt động gây mất an ninh, trật tự, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, đe dọa sự phát triển bền vững của vùng đồng bào DTTS & MN.

Vùng đồng bào DTTS & MN vẫn còn nhiều khó khăn về đời sống, về hạ tầng giao thông và tiếp cạn dịch vụ xã hội:

- Tình hình an ninh chính trị trong đồng bào DTTS, vùng đồng bào DTTS & MN tiềm ẩn những nguy cơ khó lường, có những diễn biến phức tạp tác động tiêu cực đến khối đại đoàn kết các dân tộc.

- Bản sắc văn hóa của một số dân tộc đứng trước nguy cơ mai một dần trong đời sống thực tiễn

- Công tác thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến dân tộc, công tác dân tộc còn bộc lộ một số bất cập nhất là ở cơ sở.

- Một bộ phận lãnh đạo, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị nhận thức chưa đầy đủ về công tác dân tộc, thiếu sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc

# **2. Về các Chương trình mục tiêu Quốc gia (Từ mục tiêu tổng quát đến các mục tiêu cụ thể, các dự án của ba Chươg trình mục tiêu quốc gia đều hướng tới thích ứng, ứng phó, giảm thiểu ảnh hưởng biến đổi khí hậu ở vùng đồng bào DTTS và miền núi nói riêng và cả nước nói chung)**

**2.1. Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021-2030, giai đoan 1: 2021- 2025**

Mục tiêu tổng quát: Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước

Mục tiêu cụ thể (*tham khảo Quyết định 1719 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi)*.

Các Dự án, Tiểu dự án thành phần (10 dự án, 25 tiểu dự án, 55 nội dung).

Chương trình chia thành 10 dự án thành phần với các tiểu dự án và mục tiêu cụ thể:  
**Dự án 1:** Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

# **Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.**

# **Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.**

# **Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.**

# **Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.**

# **Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.**

# **Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.**

# **Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.**

# **Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.**

# **Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.**

**2.2. Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

Mục tiêu tổng quát: Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, **nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.**

* **Mục tiêu cụ thể**:
* Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1,0 - 1,5%/năm.
* Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm.
* 30% huyện nghèo, 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.
* Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4-5%/năm.
* **Phạm vi của Chương trình**: Được thực hiện trên phạm vi cả nước, **trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.**
* **Chương trình có 7 dự án thành phần**
* Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;
* Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo;
* Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng;
* Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững;
* Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo;
* Truyền thông và giảm nghèo về thông tin;
* Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

**\*Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 tối thiểu là 75.000 tỷ** đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương 48.000 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 12.690 tỷ đồng và huy động hợp pháp khác 14.310 tỷ đồng.

**2.3. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

**\* Mục tiêu tổng quát:** Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. **Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.**

**\* Mục tiêu cụ thể:**

- Phấn đấu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (miền núi phía Bắc: 60%, Đồng bằng sông Hồng: 100%, Bắc Trung Bộ: 87%, Nam Trung Bộ: 80%, Tây Nguyên: 68%; Đông Nam Bộ: 95%, Đồng bằng sông Cửu Long: 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới), trong đó, có khoảng 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và không còn xã dưới 15 tiêu chí; tiếp tục xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu đối với các xã, huyện, tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

- Phấn đấu cả nước có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (miền núi phía Bắc: 30%; Đồng bằng sông Hồng: 90%; Bắc Trung Bộ: 45%; Nam Trung Bộ: 35%; Tây Nguyên: 30%; Đông Nam Bộ: 80%; Đồng bằng sông Cửu Long: 35% số đơn vị), trong đó, ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới;

- Phấn đấu cả nước có khoảng từ 17 - 19 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là tỉnh) được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (miền núi phía Bắc phấn đấu có 01 tỉnh, Đồng bằng sông Hồng: 10 tỉnh, Bắc Trung Bộ: 01 tỉnh, Nam Trung Bộ: 01 tỉnh, Tây Nguyên phấn đấu có 01 tỉnh; Đông Nam Bộ: 04 tỉnh, Đồng bằng sông Cửu Long: 03 tỉnh);

**- Phấn đấu 60% số thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí nông thôn mới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.**

**Chương trình có 11 nội dung thành phần:**

* Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa.
* Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền
* Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm
* Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn
* Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.
* Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn
* Nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số
* Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM
* Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn
* Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn
* **Đặc biệt:** Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương các xã đặc biệt khó khăn (bao gồm cả các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi) được phân bổ vốn hệ số cao gấp 4-5 lần so với các xã không thuộc đối tượng ưu tiên.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới tỉnh Điện Biên, Lào Cai, Bắc Kạn, Nghệ An…

* **Các mặt hạn chế của Chương trình Nông thôn mới liên quan đến đồng bào DTTS & M**N
* Kết quả xây dựng NTM của một số vùng còn thấp hơn so với mặt bằng chung và còn khoảng cách chênh lệch khá lớn giữa các vùng, miền.
* Nông thôn phát triển chưa đồng đều, kết nối kinh tế nông thôn - đô thị còn yếu; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, một số nơi xuất hiện tình trạng bê tông hóa nông thôn.
* **Vấn đề ô nhiễm môi trường ở một số địa bàn vẫn còn nghiêm trọng**
* Nhiều xã ở các khu vực khó khăn đã được ưu tiên nguồn lực đầu tư để phấn đấu đạt chuẩn, xây dựng mô hình điểm nhưng chất lượng thấp.
* Bộ tiêu chí chưa phù hợp với Nông thôn miền núi

**3. Tác động của biến đổi khí hậu đến vùng đồng bào DTTS và miền núi**

Theo đánh giá từ Tổng cục Khí tượng thủy văn (Bộ TN&MT), vùng đồng bào DTTS thường xuyên bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu:

**a, Biến dổi khí hậu tác động đến các khu vực địa lý khác nhau của vùng đồng bào DTTS trong cả nước**

***Khu vực miền núi phía Bắc*:** Sạt lở, xói mòn, bão lũ thường xuyên chịu ảnh hưởng và chịu thiệt hai nặng nề bởi các loại hình thiên tai chính như: lũ, lũ quét, sạt lở đất, rét hại, sương muối, hạn hán, mưa lớn, băng tuyết... Căn cứ tính chất, khả năng gây thiệt hại, thiên tai khu vực thường được chia thành 3 nhóm chính. Cụ thể, nhóm 1 gồm: mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất. Nhóm gây thiệt hại lớn thứ 2 gồm: sương muối, rét hại và băng tuyết; nhóm 3 gồm: nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại hình thiên tai khác.

Trượt lở đất đá và lũ quét là hai loại hình thiên tai nguy hiểm, có sức phá hoại lớn, thường xuyên xảy ra vào mùa mưa bão hàng năm tại khu vực MNPB. Các tỉnh thường xuyên bị ảnh hưởng như: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng...,

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 trên phạm vi toàn quốc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội vừa công bố cho thấy, xét theo các vùng, Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ nghèo đa chiều cao nhất, chiếm 18,2%. Trong đó, riêng 10 tỉnh miền núi phía Bắc có tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là hơn 465 nghìn hộ.

Tính riêng trong tháng 7/2024, mưa lũ trên địa bàn tỉnh Sơn La đã làm 17 người thương vong và gây thiệt hại lên tới hơn 500 tỷ đồng. Trên 2.670 nhà bị thiệt hại; 29 điểm trường bị ảnh hưởng; hơn 4.143 ha diện tích lúa mùa bị ngập, cuốn trôi; hơn 548 ha hoa màu, rau màu bị ngập; trên 500 con gia súc bị chết, cuốn trôi; hơn 12.290 con gia cầm bị cuốn trôi.

Mưa lũ cũng đã làm sụt ta luy dương và sa bồi trên 620.400 m3; xói lề đường 1.327m3; 15 cầu treo bị cuốn trôi, hư hỏng; 130 vị trí sạt lở gây ách tắc giao thông. Đặc biệt, mưa lũ đã gây thiệt hại lớn cho ngành Điện lực khi làm gãy đổ, nghiêng 36 cột điện trung thế, 244 cột điện hạ thế; trên 5.560m dây hạ thế, 440 công tơ và trên 90 hòm công tơ bị hư hỏng... Ước tổng thiệt hại trên địa bàn tỉnh Sơn La, trong tháng 7/2024 khoảng hơn 501 tỷ đồng.( *Thông tin từ Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La* )

Khu vực đã và đang thiếu nước nghiêm trọng nhất là 4 huyện vùng cao thuộc cao nguyên đá Đồng Văn là Quảng Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc của tỉnh Hà Giang. Hiện 14/19 xã của huyện Mèo Vạc, 13/19 xã của huyện Yên Minh, 10/13 xã của huyện Quảng Bạ bị thiếu nước trầm trọng trong mùa khô hạn.

Từ năm 2015 đến năm 2021, thiên tai làm 1.664 người chết và mất tích. Số người chết và mất tích ở khu vực Miền núi phía Bắc và Duyên hải miền Trung từ *năm 2015 đến năm 2021 chiếm 85% tổng số người chết và mất tích của cả nước*.

***Khu vực Tây Nguyên:***Vùng Tây Nguyên có 53 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 52 DTTS với 2.199.784 người, chiếm 37,65% dân số toàn vùng. Các dân tộc sống đoàn kết, đan xen nhau, tập trung tại 471 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi. Vùng Tây Nguyên có tỷ lệ nghèo đa chiều là 12,46%, cao thứ hai cả nước; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều là 195.795 hộ. nhóm hộ nghèo, người DTTS. Một trong các Nguyên nhân hộ nghèo còn cao ở Tây Nguyên là do bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Nhiều vường cà phê, tiêu, điều, cây ăn quả bị khô hạn.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy, nhiệt độ không khí trung bình gần đây ở Tây Nguyên cao hơn rõ rệt, nhất là vào các tháng mùa mưa (tháng 5 - 10), nhiệt độ trung bình năm phổ biến cao hơn từ 0,50C đến 0,80C; trong các tháng mùa hè, nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn 0,230C đến 0,70C. Điều này khẳng định sự tăng của nhiệt độ xảy ra ở tất cả các vùng ở Tây Nguyên, nhiệt độ mùa đông tăng nhanh hơn mùa hè rõ rệt.

Toàn vùng có khoảng 1,8 triệu ha đất đang bị suy thoái, giảm chức năng sản xuất. Đáng chú ý là phát triển nông nghiệp vẫn còn dựa trên việc gia tăng diện tích, lạm dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu độc hại. Hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng kéo dài, mưa trái mùa, mưa cường độ cao đều gây ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng, phát triển cũng như tính năng ra hoa, đậu quả của tất cả các loại cây trồng.

Tây Nguyên là nơi khởi nguồn của các con sông lớn chảy xuống đồng bằng ven biển miền Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Campuchia như sông Mekông, sông Đồng Nai, sông Ba, sông SêSan, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc với trữ năng thủy điện chiếm 21% cả nước (chỉ sau vùng Tây Bắc). Tuy nhiên, nguồn nước đang đứng trước tình trạng suy giảm nghiêm trọng kết hợp do tác động của biến đổi khí hậu gây hạn hạn hán gây khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của hàng triệu người dân nơi đây.

Nếu không có các giải pháp quy hoạch, bảo vệ nguồn nước, trữ nước; dự kiến đến năm 2030 Tây Nguyên sẽ thiếu 5,5 tỷ m3 nước,năm (BTNMT). Tỉ giảm về cả diện tích và chất lượng.

***Khu vực Nam Bộ:*** Dân số khu vực Nam Bộ gần 20 triệu người; là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc anh em, trong đó dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ khoảng 92,42%; dân tộc Khmer: 6,6%; dân tộc Hoa: 0,87%, dân tộc Chăm: 0,08%(1) và một số dân tộc thiểu số khác.

Các hoạt động khai thác tài nguyên nước thượng nguồn, biến đổi khí hậu và nước biển dâng đã và đang gây ra những tác động tiêu cực đến Đồng bằng sông Cửu Long trong đó **xâm nhập mặn được xem là một trong những tác động nghiêm trọng nhất.** Dự báo đến năm 2050 khoảng hơn 2,5 triệu ha đất vùng ĐBSCL sẽ bị nhiễm mặn (TC khí tượng thủy văn) nước biển dâng, hạn hán, sạt lở sông,..

Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia cho biết, xâm nhập mặn đã xâm nhập sâu vào nội địa ĐBSCL từ đầu tháng 4/2024. Đến nay, mặn đã lấn sâu vào nội đồng hơn 100km tại một số địa phương, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân; đã có 3 tỉnh trong vùng đã phải công bố tình huống thiên tai khẩn cấp, là Tiền Giang, Cà Mau và Long An. Đợt Cao điểm vừa qua có khoảng 73.900 hộ dân của 13 tỉnh ĐBSCL bị thiếu nước sinh hoạt. Nghiên cứu của Viện Khoa học Tài nguyên nước (thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường), khoảng 80.000ha trang trại trồng lúa và trái cây có thể bị ảnh hưởng do nhiễm mặn

Các vấn đề ô nhiễm, ngập úng, triều cường... ở vùng Đông Nam bộ ngày càng diễn biến phức tạp. Nhiều năm trước, vùng Đông Nam bộ đã hình thành các đô thị, thương cảng, khu công nghiệp và thu hút được nhiều nhà đầu tư trong nước, quốc tế. Sự phát triển hạ tầng và công nghiệp kéo theo gia tăng dân số cơ học. **Đến cuối năm 2022, dân số của vùng đã chiếm gần 20% dân số cả nước, trong khi đó diện tích tự nhiên chỉ chiếm hơn 7%..** Mặt trái củaông nghiệp hóa và đô thị hóa là sự tác động nhiều đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản dần cạn kiệt; ô nhiễm nguồn nước sông, suối khó kiểm soát; thiếu hạ tầng xử lý nước thải sinh hoạt và quá tải xử lý rác sinh hoạt...

Gia tăng dân số, trong khi hạ tầng không theo kịp và BĐKH khiến vùng đối mặt với nhiều thách thức. Đó là hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải vừa thiếu vừa không đồng bộ dẫn đến ngập úng, triều cường; hạ tầng thu gom và xử lý chất thải nhất là chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng; nhiều thảm thực vật bị đô thị hóa ảnh hưởng đến đa dạng sinh học. Điều này dẫn đến nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí gia tăng.

***Tây duyên hải miền Trung*:** Vùng duyên hải miền Trung và Tây nguyên gồm 17 tỉnh, thành phố; bao gồm 445 xã khu vực I; 66 xã khu vực II và 476 xã khu vực III với 3.243 thôn đặc biệt khó khăn (chiếm 24.53% thôn đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi của cả nước). Phần lớn khu vực là miền núi, điều kiện tự nhiên, địa hình phức tạp, bị chia cắt, dân cư sống thưa thớt, không tập trung với nhiều thành phần dân tộc khác nhau, sinh kế còn nhiều khó khăn; đã và đang đối diện với nhiều tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu trong cả ngắn hạn và dài hạn, có thể gây ra những tổn thất lớn cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân. Vùng duyên hải miền *Trung thường xuyên phải đối mặt với bão lũ, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển và các hiện tượng thời tiết cực đoan khác, khi*ến cho sự phát triển của vùng tồn tại nhiều yếu tố thiếu bền vững.

Lượng mưa tăng mạnh hơn so với trung bình cả nước, ước tính có thể tăng lên trên 20%; Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam và Quảng Ngãi sẽ đối mặt với nguy cơ lũ lụt cao trong năm, trong khi đó các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên và Quảng Bình phải đối mặt với nguy cơ hạn hán. Tần suất bão sẽ gia tăng cả về cường độ và tần suất trở nên khó dự đoán hơn.

**b, Biến đổi khí hậu tác động vào một số lĩnh vực cụ thể ở vùng đồng bào Dân tộc thiẻu số**

1. *Sức khỏe cộng đồng:* nếu các vùng khác trong cả nước bị tác động nghiêm trọng đến sức khỏe từ biến đổi khí hậu, thì ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn bị ảnh hưởng nhiều hơn. Khí hậu cực đoan ở miền núi, vùng cao khắc nghiệt hơn vùng đồng bằng các lọaị bệnh ho, cúm, viêm phổi, nhiễm trùng, sốt rét, tim mạch có xu thế tăng. Trong khi các dịch vụ y tế, khám chữa bệnh còn nhiều hạn chế. Việc khám sức khỏe định kỳ, tầm soát ung thư với vùng đồng bào DTTS chưa được chú trọng theo khuyến cáo vì các lý do khác nhau. Bệnh sốt rét, lao, sởi có nguy cơ trở lại.

*Bình đẳng giới:* Kết quả điều tra của UBDT năm 2019 cho thấy, phần lớn lao động DTTS có việc làm ở nhóm tuổi 15 - 54 (86,8%) và cư trú chủ yếu ở nông thôn (89,4%). Một số dân tộc như Brâu, Xinh Mun, La Hủ, Rơ Măm, Ba Na, trên 95% dân số làm việc trong khu vực nông, lâm, thuỷ sản. Trong 14 DTTS có số dân dưới 10.000 người có đến 12 DTTS có tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm, thuỷ sản cao hơn mức chung của 53 DTTS, tức là cao hơn 73,3%. Những kết quả phân tích trên đã khẳng định phụ nữ DTTS là lực lượng lao động quan trọng và chủ yếu trong ngành nghề nông, lâm, thuỷ sản ở khu vực nhạy cảm với biến đối khí hậu.

Tỷ lệ mắc bệnh tật và bệnh dịch tăng nhất là đối với phụ nữ đang mang thai, bé gái, phụ nữ đang mắc bệnh mạn tính và phụ nữ cao tuổi.

- Công bố trên Tạp chí Y tế Công cộng (9/2013) đã đưa ra ước tính vào năm 2100, sản lượng của hầu hết các loại cây trồng sẽ giảm từ 10 - 40% và sẽ có ít nhất 3 tỷ người rơi vào cảnh thiếu lương thực do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Phụ nữ vùng DTTS phải đối mặt với những rủi ro mất mùa do hạn hán và lũ lụt nhiều hơn nam giới và phụ nữ ở vùng phát triển.

- Phụ nữ người DTTS tham gia vào hầu hết các công việc như cày cuốc, làm cỏ, thu hoạch, chuẩn bị đất, đập lúa, vận chuyển và sử dụng. Lũ lụt và hạn hán không chỉ làm mất đi nguồn sinh kế chủ yếu của họ mà còn làm tăng gánh nặng công việc đồng áng. Phụ nữ phải bỏ nhiều thời gian và công sức hơn để chuẩn bị đất, lấy nước, tưới nước, làm nương rẫy, bảo vệ mùa màng khỏi sâu bệnh. Do đó, họ có ít thời gian hơn học tập kỹ thuật cấy trồng.

Việt Nam vẫn còn gặp nhiều thách thức trong việc giải quyết vấn đề bình đẳng giới. Các bộ, ngành, địa phương chưa nhận thức rõ ràng về mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu, giới và sức khỏe. Phụ nữ thường được coi là nạn nhân và ít được coi là “đối tượng chủ động trong thích ứng với biến đổi khí hậu”. Đối với phụ nữ DTTS việc ảnh hưởng này có xu thế cao hơn.

*Bảo vệ trẻ em*: Trẻ em không có nhiều khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Cùng với sự chăm sóc chưa đầy đủ của gia đình, do cha mẹ phải đi làm nương, đi lao động xa nhà nên việc chăm sóc con cái hạn chế, do đó suy dinh dưỡng của trẻ em vùng DTTS cao hơn trẻ em ở vùng đô thị. Với những gia đình đã thuộc hộ nghèo, phụ nữ làm chủ hộ, gia đình có trẻ em khuyết tật và hoặc bệnh nan y không được đến trường đầy đủ. Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và thiên tai dẫn đến hiện tượng trẻ em phải bỏ học để lao động giúp cha mẹ kiếm tiền. Nạn Tảo hôn, hôn nhân cận huyết có xu hướng tăng trong ba năm trở lại đây là một ví dụ. Các cặp tảo hôn lại thêm gánh nặng kinh tế cho chính cha mẹ mình và có một thế hệ sinh ra có sức khỏe không tốt như mong đợi.

2. *Ảnh hưởng Biến đổi khí hậu gây ra tổn thất kinh tế l*ớn do thiên tai, mất mùa màng, và giảm sản xuất nông nghiệp, đã và đang dẫn đến sự mất việc làm và tăng sự bất ổn kinh tế.

- *Ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, chăn nuôi:* Các yếu tố khí hậu thời tiết bất thường như hạn hán, lũ lụt, lốc xoáy, rét đậm, rét hại... đã làm giảm sinh trưởng, năng suất, phân bố của cây trồng; làm gia tăng các loài sâu bệnh, đặc biệt là nhiều loài dịch bệnh mới như lùn sọc đen, sâu cuốn lá, chồi cỏ mía...

Ở vùng núi Đông Bắc, có thay đổi phức tạp, đa chiều trong hệ thống tự nhiên, gây ra những biến động bất thường cực đoan của các hiện tượng thời tiết nguy hiểm (bão, dông, lốc, mưa đá…). Thời tiết khô nóng kéo dài vào mùa hè; rét đậm, rét hại kèm sương muối vào mùa đông; lũ quét, sạt lở vào mùa mưa; hạn hán và thiếu nước tưới nghiêm trọng vào mùa khô.

+ Ở Lạng Sơn trong vài năm gần đây luôn xuất hiện tình trạng rét đậm, rét hại kéo dài, nhiệt độ có lúc hạ thấp dưới 0 độ C. Riêng cơn bão số 2/2014 gây mưa lớn trên diện rộng, khu vực Mẫu Sơn có tổng lượng mưa lên tới 416mm. Còn ở tỉnh Hà Giang, từ năm 2004 đến năm 2010 lưu vực sông Con xảy ra 13 trận lũ quét; lưu vực sông Chảy 17 trận, chưa kể 167 điểm sạt lở…

* Tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, làm ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng, năng suất cây trồng, thời vụ gieo trồng và tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh. Hạn hán, rét đậm rét hại làm giảm hoặc phá hủy hoàn toàn diện tích đã được gieo trồng. Kết quả nghiên cứu ở vùng Đông Bắc từ năm 2011 đến nay cho thấy, diện tích các cây trồng bị tổn thất hàng năm khoảng trên 9.000 ha.
* Nhiệt độ thấp (rét đậm và rét hại) làm giảm khả năng đề kháng của cơ thể, tăng nguy cơ mắc bệnh từ đó gây chết vật nuôi. Đợt lạnh ở vùng núi phía Bắc vào năm 2008 đã làm chết hơn 54.000 con trâu bò, trong đó riêng tỉnh Hà Giang có 18.000 con.
* Lâm nghiệp: Các đợt hạn hán xuất hiện ngày càng nhiều, nhiệt độ, độ ẩm tăng kéo theo các đợt cháy rừng và các loại bệnh hại gia tăng; đặc biệt là xuất hiện các loài sâu mới khó kiểm soát và phòng ngừa hơn trước; chất lượng rừng suy giảm và việc bảo vệ nguồn đa dạng sinh học gặp nhiều khó khăn. Nhiều loài động, thực vật rừng quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng. Hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học bị suy giảm trầm trọng do các loài kém chịu hạn hán, làm mất đi nhiều gen quí hiếm

+ Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Năm 2023 ở Việt Nam xảy ra 3.440 vụ cháy, làm chết 146 người, bị thương 109 người, thiệt hại về tài sản sơ bộ ước tính khoảng 878 tỷ đồng và 236 ha rừng. Xảy ra 16 vụ nổ, làm 11 người chết, bị thương 27 người.

- Năm 2024: Trong 6 tháng đầu năm 2024, toàn quốc xảy ra 2.222 vụ cháy, làm chết 57 người, bị thương 45 người, thiệt hại về tài sản ước tính sơ bộ thành tiền khoảng 127,9 tỷ đồng; xảy ra 125 vụ cháy rừng làm thiệt hại 529 ha rừng. (Cục cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn (*Thông cáo báo chí về tình hình cháy 6 tháng đầu năm 2024 của cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ*)

*3. Biến đổi khí hậu nguy cơ gia tăng nghèo đói tác động toàn diện đời sống của đồng bào ở vùng DTTS.*

* Thiên tai diễn ra ở vùng núi cao và trung du diễn ra với tần suất cao hơn cường độ nặng hơn như: Sạt lở đất, nhà cửa, ruộng vườn bị nước cuốn trôi, thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất, mất mùa, bệnh dịch, bệnh tật, người chết và mất tích do thiên tai. Thu nhập của người dân nơi đây chủ yếu dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nguồn tài nguyên phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và khí hậu. Chất lượng sống của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng, có nơi còn thiéu đói, nhà ở chưa kiên cố, điều kiện y tế, giáo dục chưa bảo đảm và môi trường bị ô nhiễm. BĐKH đang tác động rất mạnh mẽ đến kinh tế và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống.
* Sạt lở đất rất nghiêm trọng:

Ví dụ: Từ đầu năm 2024 đến nay mặc dù công tác dự báo khá chính xác nhưng số người chết do thiên tai lại tăng 30% so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể, từ đầu năm 2023 đến tháng 7 thiên tai khiến 52 người chết. Nhưng cùng kỳ năm nay đã tăng lên 68 người chết. Hầu hết rơi vào vùng DTTS.

+ Vào khoảng 3 giờ 45 phút ngày 13/7 tại km 10 + 950, Quốc lộ 34 (đường Hà Giang đi Cao Bằng) thuộc địa phận thôn Tả Mò, xã Yên Định, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đã xảy ra một vụ sạt lở đất gây hậu quả nghiêm trọng, vùi lấp xe ô tô khách 16 chỗ biển kiểm soát 29E-024.89 khiến 11 người chết, 4 người bị thương.

+ Vụ Rạng sáng 15/7, sạt lở đất đã xảy ra tại xã Đạ K’Nàng (huyện Đam Rông, Lâm Đồng) làm nhà dân bị vùi lấp, 1 người thiệt mạng, 3 người may mắn thoát nạn…

+ Đối với huyện U Minh Thượng (Kiên Giang), tính đầu tháng 4/2024, vùng đệm U Minh Thượng có 310 điểm sụt lún, sạt lở, tổng chiều dài 7.533 m. Trong đó, tuyến ĐT.965 có 40 điểm sạt lở, tổng chiều dài 885 m và nguy cơ tiếp tục sạt lở thời gian tới có thể sẽ rất lớn, ước khoảng 7.000 m, ước giá trị thiệt hại tăng thêm khoảng 105 tỷ đồng. Đường giao thông nông thôn có 270 điểm, tổng chiều dài 6.668 m và nguy cơ tiếp tục sạt lở thời gian tới ước giá trị thiệt hại tăng thêm khoảng 76 tỷ đồng. Ngoài ra, nhà dân đã sập 26 căn và 54 căn nhà khác có nguy cơ cao tiếp tục sụp đổ. Ước tổng thiệt hại đến ngày 7/4/2024 hơn 83,6 tỷ đồng.

*4. Tác động lên nguồn nước*: Biến đổi khí hậu làm thay đổi mô hình mưa, nguồn nước mùa khô có xu hướng suy giảm, cạn kiệt nguồn nước kéo dài hơn, nhiều khu vực nước ngọt cũng sẽ bị xâm nhập mặn, ô nhiễm gia tăng do dòng chảy không còn khả năng tự làm sạch, khả năng chống chọi với thiên tai, trong đó có hạn hán sẽ tạo ra thách thức lớn đối với nhiều khu vực và làm giảm nguồn nước sạch. Các dòng sông khu vực Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam bô, các hồ thủy điện có xu thế giảm lượng nước từ đầu nguồn.

1. *Tác động xã hội*: Biến đổi khí hậu có thể làm gia tăng căng thẳng xã hội do sự cạnh tranh về nguồn tài nguyên và sự chuyển động dân số từ các vùng bị ảnh hưởng đến những nơi an toàn hơn. (ảnh hưởng đến mục tiêu của CT MT QG phát triển KT- XH vung đồng bào DTTS. Dự án 1).
2. *Tác động lên hệ thống giao thông*. (hình ảnh)

**d/ Tác động của biến đổi khí hậu đối với tỉnh Phú Yên**

1. **Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và Dân số**

* Phú Yên là tỉnh ven biển Nam Trung bộ, nằm ở phía Đông dãy Trường Sơn
* Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 5.023,4 km2. Phía Bắc giáp tỉnh Bình Định, phía Nam giáp tỉnh Khánh Hòa, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk, phía Đông giáp biển Đông.
* Dân số Phú Yên là 876.619 người (năm 2022), mật độ dân số 174 người/km2**. Có hơn 30 dân tộc anh em, trong đó có 32 dân tộc thiểu số với 60.128 người (2020), chiếm 6,89% dân số toàn tỉnh**. Các dân tộc thiểu số sống thành cộng đồng như: Chăm, Êđê, Ba - Na, Hrê, Hoa, Mơ- Nông, rgalay. Từ năm 1986 có các Dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu đã đến lập nghiệp tại huyện miền núi sông Hinh.
* Phú Yên nằm trong vùng khí hậu nóng ẩm, nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu đại dương và chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 và mùa nắng từ tháng 1 đến tháng 8,
* Là tỉnh thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung bộ, có đặc điểm về khí hậu và địa hình rất phức tạp, hàng năm phải hứng chịu nhiều dạng thiên tai do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như: bão, lũ lụt, hạn hán, sạt lở bờ sông, triều cường, lốc xoáy… Những tác động của biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp ( hệ thống sông ngòi phân bổ tương đối đều trên toàn tỉnh, các sông đều bắt nguồn từ phía Đông của dãy Trường Sơn, có trên 50 con sông lớn nhỏ, với 3 con sông chính: sông Kỳ Lộ, Sông Ba, Sông Bàn Thạch; có sinh thái rừng đặc sắc, như Khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng Krông Trai; Bờ biển dài 189 km, có nhiều vịnh, bãi, vũng, đầm phá, gành
* Phú Yên có bề dày lịch sử – văn hoá lâu đời gắn liền với nhiều dân tộc cùng chung sống hòa thuận từ nhiều thế kỷ trước và đóng góp vào sự hình thành và phát triển của nhiều ngành nghề tại Phú Yên như nghề trồng lúa, làm nương rẫy, hay nghề đánh bắt cá… đặc trưng văn hóa dân gian vô cùng đặc sắc và phong phú, từ nghệ thuật hát tượng, bài chòi, hò bá trạo, những điệu hò của ngư dân, các nghi lễ, tập tục và nhiều nhạc cụ độc đáo như trống đôi – ba lớn, cồng – chiêng vạch năm nhỏ của người dân tộc miền núi. Việc tìm ra đàn đá, kèn đá có niên đại hơn 2.500 năm trước đây ở huyện Tuy An và nhiều di sản văn hóa Sa Huỳnh đã chứng minh rằng ở đây có cư dân cổ sinh sống.

1. **Biến đổi khi hậu đang và ngày càng tác động tiêu cực đến đời sống người dân Phú Yên**

* **Tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất**. Hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng khắc nghiệt Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, kiểu thời tiết điển hình là nền nhiệt độ tăng cao. Thực tế này khiến tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn ở Phú Yên ngày càng nghiêm trọng, là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến mất đất sản xuất, hạn hán kéo dài, đất hoang hóa bạc màu… lượng mưa giảm, các hồ đập thiếu nước sản xuất gây khó khăn cho trồng trọt, chăn nuôi, dễ phát sinh các loại bệnh trên cây trồng, vật nuôi…

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như bão, lũ, hạn hán… gây giảm sản năng suất, sản lượng, số lượng cây trồng, vật nuôi; tăng nguy cơ rủi ro cho sản xuất**, thu hẹp diện tích đất nông nghiệp do nước biển dâng và nước sông nhiễm mặn.**

**+ Theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam của Bộ Tài Nguyên và Môi trường (ban hành năm 2016):**

+ Về kết quả đánh giá ảnh hưởng của nước biển dâng trong sử dụng đất ở tỉnh Phú Yên, **đất chuyên trồng lúa nước là loại hình bị tác động mạnh nhất trong khu vực có nguy cơ ngập do nước biển dâng cao.** Dự báo, giai đoạn từ năm 2020 – 2030 có từ 700 – 800ha, đến giai đoạn 2050 – 2070 có từ 900 – 1.100ha đất bị ngập do nước biển dâng. Các huyện ven biển có nguy cơ ngập cao là Đông Hòa và Tuy An.

**+** Nước biển dâng sẽ làm mất đất sản xuất lúa, rau màu…, đất lâm nghiệp và đất thổ cư cũng bị thu hẹp. Thực tế, nhiều năm qua, do mực nước biển tăng, một số khu vực ven biển đã ăn sâu vào đất liền vài trăm mét. Tốc độ bình quân bị sạt lở hàng năm từ 10-20m. Có nơi như thôn Hòa An (xã Xuân Hòa, thị xã Sông Cầu) và thôn Long Thủy (xã An Phú, thành phố Tuy Hòa) tốc độ bị sạt lở từ 25-35m/năm.

+ Năm 2019 toàn tỉnh có 600 ha đất bị nhiễm mặn tập trung chủ yếu ở các huyện Tuy An, Đông Hòa, thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hòa. Bên cạnh đó, nắng hạn kéo dài khiến nguy cơ cháy rừng luôn ở mức cao, hơn 6.000 hộ dân ở các huyện miền núi phải chịu cảnh thiếu nước sinh hoạt.

1. BĐKH còn gây **ảnh hưởng nghiêm trọng đến thảm thực vật và hệ sinh thái** rừng; tăng nguy cơ tuyệt chủng một số loại động, thực vật, làm suy thoái các nguồn gen quí hiếm; tăng nguy cơ cháy rừng và phát tán dịch bệnh; trung bình hàng năm có từ 30 – 40ha rừng bị cháy; làm tăng tần suất bão với cường độ mạnh, gây ra hiện tượng cát bay, sóng biển và **triều cường xâm thực bờ, hoang mạc hóa các vùng ven biển**; tài nguyên rừng cũng bị ảnh hưởng trực tiếp, làm suy giảm diện tích đất lâm nghiệp với khoảng từ 245 – 304ha (giai đoạn 2020 – 2030) và từ 421 – 543ha (giai đoạn 2050 – 2070).
2. Theo kế hoạch ứng phó với BĐKH tỉnh Phú Yên, ứng với mực nước biển dân 30cm thì tỉ lệ ngập nước là 34,56km2, nước biển dâng 75cm, tỉ lệ ngập nước là 39,998km2 và nước biển dâng 100cm, tỉ lệ ngập nước sẽ lên hơn 44km2 ( tốc độ sạt lở hàng năm từ 10 – 20m, có nơi từ 25 – 35m như thôn Hòa An, xã Xuân Hòa (TX Sông Cầu), xóm Rớ phường Phú Đông, TP Tuy Hòa)
3. **Giải pháp ứng phó của tỉnh Phú Yên.**

* Ngay sau khi chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 của Chính phủ được phê duyệt, cùng với thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Phú Yên đã ban hành 05 chương trình hành động và 07 quyết định, kế hoạch liên quan đến chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng
* Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các ngành nông, công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường; quan tâm thu hút đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời, góp phần thực hiện thành công mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 và chuyển đổi năng lượng. Năm 2022 toàn tỉnh có 6 dự án điện mặt trời với tổng công suất 505,216MWp đã hoàn thành phát điện.
* Trong sản xuất xanh trong nông nghiệp, từng bước tổ chức, cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp gắn với sản xuất xanh, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, bền vững dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch.
* UBND tỉnh Phú Yên đã phê duyệt Đề án trồng 15 triệu cây xanh giai đoạn 2021-2025; đến nay, đã trồng khoảng 9.392.606 cây, đạt tỷ lệ 62,62%; Tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh năm 2022 là 46,55% (theo quyết định công bố hiện trạng rừng của UBND các huyện, thị xã, thành phố) tăng so với năm 2020 là 45,09%, năm 2021 là 46,25%; **Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 48% theo kế hoạch**.
* Ngày 3/7/ 2024 Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) tỉnh Phú Yên tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền pháp luật về biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới năm 2024.

+ Triển khai đa dạng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ liên quan đến đánh giá biến đổi khí hậu, cung cấp thông tin, làm rõ những quy định về quản lý, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

+ Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; công tác thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại hộ gia đình và công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp xử lý phù hợp; hướng dẫn phân loại rác tại nguồn theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

+ Phổ biến quy định nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cho cán bộ lãnh đạo, công chức cấp huyện và xã; hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong công tác bảo vệ môi trường cho cơ quan quản lý môi trường cấp huyện, xã.

+ Phổ biến công tác tiếp nhận, thẩm định giấy phép môi trường, đăng ký môi trường cấp xã; phổ biến quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; quy trình kiểm tra sự cố, khiếu nại, phản ánh, lấy mẫu thành phần môi trường tại thời điểm kiểm tra; chia sẻ kinh nghiệm triển khai các mô hình không rác; hướng dẫn thực hiện mô hình phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn ở khu vực nông thôn, thành thị; phổ biến quy định về biến đổi khí hậu theo Luật Bảo vệ môi trường 2020…

* **Chuyển đổi sản xuất, đảm bảo sinh kế cho người dân**

Trước thực trạng biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã ban hành kế hoạch hành động ứng phó. Trong đó, nội dung quan trọng nhất được xác định là các **chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi sản xuất để đảm bảo sinh kế**.

+ Ở khu vực đồng bằng, miền núi, việc chuyển đổi được thực hiện **từ trồng cây lúa nước sang rau màu, đậu tương ở vùng thiếu nước cục bộ; chuyển đổi từ cây sắn, mía tại vùng năng suất thấp sang cây ăn quả hoặc cây lâm nghiệp…**

+ Chủ trương, định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ Cao ở tất cả các huyện thị. Mô hình sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu (tại xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa); mô hình ứng dụng khoa học công nghệ để trồng và chế biến cây dược liệu cà gai leo (tại xã An Mỹ, huyện Tuy An).

+ Phối hợp với các nhà khoa học để xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho người dân ở vùng biển đặc biệt là kinh tế biển

* **Tập trung hỗ trợ vùng Dân tộc thiểu số với một số mô hình có kết quả tốt :**

+ Xã vùng cao Phú Mỡ, huyện Đồng Xuân có 843 hộ, 3.234 nhân khẩu đều là người dân tộc thiểu số (chủ yếu là người dân tộc Chăm), sống rải rác ở năm thôn: Phú Đồng, Phú Hải, Phú Lợi, Phú Tiến và Phú Giang. Trước đây, **vụ hè thu, ruộng đất phải bỏ hoang vì nắng hạn, nay tập trung chuyển đổi đất màu sang trồng lúa nước và trồng rừng sản xuất.** Toàn xã đã có hai trạm bơm điện, ba đập dâng tự chảy, sản xuất được 100 ha lúa nước hai vụ trong năm, năng suất đạt 70 tạ/ha; nhờ vậy đã giải quyết được lương thực tại chỗ, xóa được nạn đói vào lúc giáp hạt; người dân được vay vốn sản xuất, trồng mía, trồng keo… đem lại thu nhập cao, đời sống người dân được nâng lên rõ rệt”

+ Huyện miền núi Sông Hinh giáp ranh 2 tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk, có 13.813 hộ, 52.000 người; trong đó, hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 47,9% , đời sống kinh tế của đồng bào còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, hộ tái nghèo còn Cao; đã triển khai nhiều dự án, chương trình giúp bà con có kế sinh nhai, thoát nghèo bền vững từ các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững (đầu tư các công trình thủy lợi, khai hoang mở rộng diện tích các loại cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao, như: sầu riêng, cam, sắn, mía. Đặc biệt trong giai đoạn 2019-2024, huyện miền núi Sông Hinh đã tập trung phát triển mạnh vùng nguyên liệu mía, đem lại hiệu quả kinh tế rất lớn.

* Giai đoạn 2021-2025, Phú Yên đặt ra mục tiêu phấn đấu mức thu nhập bình quân của đồng bào dân tộc thiểu số tăng hơn hai lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm hơn 3%, toàn khu vực phấn đấu 100% số xã, thôn, buôn có đường nhựa ô-tô đến trung tâm xã; hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

# **III. Chủ động thích ứng biến đổi khí hậu vùng đồng bào DTTS góp phần thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia**

# **Thế nào là thích ứng biến đổi khí hậu**

Thích ứng có nghĩa là điều chỉnh hoặc thụ động, hoặc phản ứng tích cực, hoặc có phòng bị trước, được đưa ra với ý nghĩa là giảm thiểu và cải thiện những hậu quả có hại của BĐKH.

*Chấp nhận tổn thất:* Các phương pháp thích ứng khác có thể được so sánh với cách phản ứng cơ bản là “không làm gì cả”, ngoại trừ chịu đựng hay chấp nhận những tổn thất.

*Chia sẻ tổn thất*: chia sẻ những tổn thất giữa cộng đồng mở rộng, như là giữa các hộ gia đình, họ mhàng, làng mạc hay là các cộng đồng nhỏ tương tự. các cộng đồng lớn thông qua cứu trợ cộng đồng

*Làm thay đổi nguy cơ*: Ở một mức độ nào đó người ta có thể kiểm soát được những mối nguy hiểm từ môi trường “tự nhiên” như là lũ lụt hay hạn hán, công tác kiểm soát lũ lụt (đập, mương, đê, bằng cách giảm phát thải khí nhà nhằm ổn định nồng độ khí nhà kính trong khí quyển. Những phương pháp được đề cập đó được coi là sự giảm nhẹ BĐKH và là phạm trù khác với các biện pháp thích ứng.

*Ngăn ngừa các tác động*: Là một hệ thống các phương pháp thường dùng để thích ứng từng bước và ngăn chặn các tác động của biến đổi và bất ổn của khí hậu. Ví dụ trong lĩnh vực nông nghiệp, thay đổi trong quản lý mùa vụ như tăng tưới tiêu, chăm bón thêm, kiểm soát côn trùng và sâu bệnh gây hại. Thay thế những cây trồng chịu hạn tốt hoặc chuyển sang các giống chịu được độ ẩm thấp hơn.

*Thay đổi/chuyển địa điểm*: Một sự đối phó mạnh mẽ hơn là thay đổi/chuyển địa điểm của các hoạt động kinh tế. Có thể tính toán thiệt hơn, ví dụ di chuyển các cây trồng chủ chốt và vùng canh tác ra khỏi khu vực khô hạn đến một khu vực mát mẻ thuận lợi hơn và thích hợp hơn cho các cây trồng trong tương

1. **Một số giải pháp chủ động thích ứng biến đổi khí hậu ở vùng đồng bào DTTS**

a, *Tôn trọng và khuyến khích người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi sử dụng kiến thức bản địa* trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiêp. Hoạt động sinh kế của người DTTS chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp; các hoạt động thích ứng với BĐKH đã được hình thành, tích lũy và lưu truyền nhiều thế hệ trong các cộng đồng dân tộc thiếu số cần được khơi dậy và ứng dụng cả cộng đồng

Người Thái ở MNPB, người Tày Bắc Cạn, Cao Bằng, người Mông Lào Cai, Lai Châu.. đang sử dụng tập đoàn các giống cây lương thực thực phẩm, giống cây rau quả, giống gia cầm, giống gia súc rất có giá trị cho sản xuất nông nghiệp có tính chống chịu Cao với các điều kiện bất lợi. Các giống bản địa này đang góp phần quan trọng giúp cho sản xuất của người dân giảm nhẹ được những tác động của hiện tượng thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu gây ra.

Ứng dụng kỹ thuật canh tác truỳen thống ở điều kiện thời tiết khí hậu cực đoan, trên đất dốc hạn chế xói mòn đất do mưa to cần tạo ruộng bậc thang, xếp đá tạo đường đồng mức, để băng cỏ tự nhiên theo đường đồng mức, trồng xen canh để che phủ mặt đất. Đặc biệt kỹ thuật bản địa tưới nước và giữ nước trong điều kiện địa hình đồi núi phức tạp đã được áp dụng rất phổ biến ở nhiều cộng đồng DTTS như làm guồng, cọn tát nước, ống bương dẫn nước, đào giếng tại ruộng giữ nước..v.v đã giúp cho cây trồng tránh được khô hạn.

Phổ biến rộng rãi những kiến thức về thời vụ gieo trồng và dự báo thời tiết khi hậu bất lợi đã giúp cho các cộng đồng DTTS giảm thiệu thiệt hại do thiên tai. (Ví dụ: người Dao cho biết “Khi thấy trâu đang thả trong rừng mà bỏ chạy về nhà là trời sắp có mưa to chuẩn bị tránh lũ, nước ao đang bình thường chuyển sang màu xanh rêu 2-3 ngày là trời sẽ mưa to...”; Người Tày nhìn nước đục theo vệt ven suối là báo hiệu có lũ ống cần tránh; Khi gặp cháy rừng cần chạy ngược và tìm các khe núi bò xuôi, thấy đất đá tự lăn trên đồi bất thường báo hiệu sạt lở…nhìn trời có vẩy bã bừa là trời dông gió….

Đất nương rẫy: Trồng xen canh ngô, đỗ, dưa, củ đậu, lúa mạch, lúa tạo Tăng độ che phủ mặt đất, đa dạng sinh kế, tăng khả năng cải tạo đất

Đất rừng tự nhiên: trồng nứa, lát, bồ đề, thảo quả (trồng hỗn loài) giữ ẩm cho đất, chống sói mòn

Các loại dịch bệnh và cách phòng trừ: Bọ xít hại lúa, Dùng giẻ tẩm nước giải cắm ở ruộng khi lúa trỗ bọ xít bâu vào rồi đem đốt. Không phải sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hạn chế phát thải gây ô nhiễm môi trường và Giá thành rẻ, dễ áp dụng; Sâu xám hại ngô Khi ngô bắt đầu mọc Trồng xen với rau cải để dẫn dụ, khi cây mới mọc xâu xám ăn rau cải hạn chế xâu cắn ngô; thả nước vào gốc che, nuôi gà đen ăn mối….. dung gừng, tỏi, ớt diệt mối chè,

*b, Đa dạng hóa sinh kế cho người dân, bên cạnh chăn nuôi, trồng lúa, ngô, sắn, trồng rừng.*

Khôi phục các làng nghề truyền thống (rèn, thêu, đệt thổ cẩm, làm gốm, làm nhạc cụ dân tộc, các loại bánh địa phương, đan lát mây tre, tế, giang…

Khuyến khích phát triển kinh tế du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng (du lịch văn hóa tộc người, du lịch mạo hiểm, du lịch khám phá cảnh quan sinh thái…)

c, *Phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào DTTS liên quan đến thích ứng biến đổi khí hậu ở vùng đồng bào DTTS*.

“Ứng xử” với rừng bằng nét đẹp văn hóa kết hợp tâm linh. Những cánh rừng, đó không chỉ là cây cối, muông thú mà còn là không gian thực hành văn hóa, tín ngưỡng, tinh thần và sinh kế

Hình thành những hương ước bảo vệ rừng ở các thôn, bản thể hiện ý thức cao của cộng đồng trong bảo vệ rừng đã được cộng đòng các DTTS thực hiện trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa do MTTQ chủ trì. Hương ước được xây dựng dựa trên một số điều luật có liên quan của Nhà nước, như Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng… Đặc biệt, có sự quy định, lồng ghép ý thức, trách nhiệm của người dân địa phương đối với việc bảo vệ môi trường sống xung quanh nói chung và việc bảo vệ rừng trên địa bàn nói riêng). Hương ước khẳng địn rừng là nơi thiêng liêng, cấm mọi người không được chặt cây cối, lấy củi, không được chăn, thả gia súc (Điển hình xây dựng hương ước bảo vệ rừng là các dân tộc Tày, Nùng ở khu vực miền núi phái băc)

Bảo vệ “rừng thiêng” nơi đầu nguồn và môi trường sống, nguồn nước sạch cộng đồng bằng qui ước cộng đồng các dân tộc trên một địa bàn, trên cơ sở tín ngưỡng của người dân .

Theo quan niệm của người dân tộc Dao ở Tây Bắc, rừng thiêng là những khu rừng có những kiêng kỵ, cấm kỵ nhất định như: không được chặt cây, khai thác lâm sản, trăn thả gia súc, gia cầm; kiêng không đi vệ sinh bừa bãi trong rừng... Các khu rừng thiêng của người Dao thường nằm ở những gần nguồn nước, con suối, các khu trung tâm của làng với ý nghĩa để các vị thần linh, tổ tiên có thể bao quát, bảo vệ được tất cả các hộ gia đình trong làng ( rừng thiêng tại thôn Dền Sáng, xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, họ kiêng : không chặt cây, khai thác gỗ, khai thác măng và các sản vật trong khu rừng thiêng; không vào khu rừng thiêng nếu không phải ngày làng tổ chức lễ cúng, không chăn thả trâu bò, gia súc; không làm những điều uế tạp, không sạch sẽ trong khu rừng. Nếu vi phạm sẽ bị thần linh trừng phạt.

Phát huy bản sắc tốt đẹp của đồng bào DTTS trong việc ứng xử với thiên nhiên: Tục cúng rừng của người Thái, người Hà nhì; những qui định cộng đồng về khai thác tài nguyên,

*d, Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Đề cao trách nhiệm các bên, khuyến khích trồng rừng kinh tế, bảo vệ rừng*

**3. Giới thiệu và nhân rộng một số mô hình, dự án đã được triển khai ở vùng đồng bào DTTS**

Dự án “*Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ Việt Nam”* do Bộ NNPTNT chủ trì, sẽ được triển khai thực hiện tại 5 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, và Đắk Nông trong thời gian 5 năm từ 2021 đến 2026 (5 tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, đã tổ chức Lễ khởi động dự án 30 triệu USD về thích ứng với biến đổi khí hậu tháng 10/2021).

*Xây dựng mô hình thí điểm Làng nông nghiệp thuận thiên thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Sóc Trăng*. (Chuyển giao kỹ thuật trồng nấm bào ngư xám tận dụng nguồn lực địa phương; Chăn nuôi bò thích ứng và Chuyển đổi từ lúa sang cây trồng cạn trong vụ ba). Đồng bào được chuyển giao kỹ thuật trồng các cây trên cạn có tiềm năng thay thế cho vụ ba và phù hợp với đặc điểm canh tác của đồng bào Khmer (củ dền, cây sen và dưa hấu.) Người dân cũng được tập huấn kết nối với thị trường và học hỏi từ các mô hình kinh doanh thuận thiên.

Việc áp dụng phòng trừ dịch hại cây trồng bằng phương pháp sinh học như: sử dụng ong ký sinh, nấm xanh và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo mộc đang triển khai nhằm giảm tối đa tình trạng sử dụng thuốc hóa học gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống và sức khỏe cộng đồng ở các tỉnh Tây Nguyên và Tây Bắc

Dự án “*Tăng cường tiếng nói và năng lực của các nhóm nông dân dân tộc thiểu số dễ bị tổn thương trong ứng phó biến đổi khí hậu tại Tây Bắc Việt Nam (VOF*)”. Mô hình Làng nông nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu Tây Bắc. (do Hiệp hội tổ chức xã hội dân sự Đan Mạch (CISU) tài trợ thông qua Tổ chức phát triển nông nghiệp Đan Mạch châu Á (ADDA) và do Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) điều phối, thực hiện cùng Hội Nông dân tỉnh Sơn La, Lai Châu.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tích cực, chủ động phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức quốc tế triển khai các chương trình, dự án lồng ghép giới trong phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Có thể kể tới một số mô hình như: Sản xuất mắm, ruốc, khô khuyết tại Huế; trồng gừng trong bao và trồng cây chùm ngây tại Quảng Bình; tổ hợp tác đan lục bình ở Đồng Tháp; trồng thâm canh lạc đỏ địa phương thích ứng với xói mòn theo tiêu chuẩn của VietGap; nuôi gà thả vườn an toàn sinh học tại Lào Cai; trồng sen trên đất lúa kém hiệu quả theo tiêu chuẩn của VietGAP… Việc tuân thủ các kỹ thuật sản xuất bền vững không chỉ bảo vệ sức khỏe của người sản xuất và người tiêu dùng, làm tăng hiệu quả kinh tế mà còn bảo vệ môi trường, đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải chung của quốc gia.

Tổ chức liên minh Na Uy hỗ trợ nông dân thực hiện "Sinh kế thông minh với biến đổi khí hậu” ở ở đồng bằng sông Cửu Long (Mô hình quảng canh tôm lúa, Mô hình trồng sả, mô hình nuôi vịt cá kết hợp, mô hình nuôi bò, nuôi heo ủ bioga.,,,)

Điều chỉnh mô hình, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với biến đổi khí hậu ở tỉnh Cao Bằng: sử dụng giống cây trồng chịu hạn; áp dụng các biện pháp chống xói mòn (trồng cây trúc sào làm chiếu và đồ dung gia đình), chủ động nguồn thức ăn và kiên cố chuồng trai, thay vì nuôi thả gia súc (ủ chua các loại rau và ngô nghiền)

Dự án “*Xây dựng năng lực cho cộng đồng nhằm ứng phó với thiên tai*” giai đoạn 2 (2020 - 2022) do Tổ chức Bánh mì cho thế giới (BfdW) và Tổ chức ActionAid quốc tế tại Việt Nam (AAV) tài trợ, Quỹ hỗ trợ chương trình, dự án an sinh xã hội Việt Nam (AFV) thực hiện, với mục tiêu giúp các cộng đồng dễ bị tổn thương ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Một trong những hoạt động nổi bật của dự án là hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn thực hiện các mô hình sinh kế, như: nuôi ếch kết hợp nuôi cá, sản xuất lúa giống chịu mặn, trồng nấm rơm trong nhà, nuôi ốc bươu đen, nuôi gà Mông. Những mô hình kinh tế thích ứng BĐKH đã cải thiện thu nhập, vượt khó thoát nghèo, hướng đến một cuộc sống ổn định.

Dự án "*Tăng cường khả năng chống chịu của sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ trước tình trạng mất an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu ở khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ, Việt Nam*" hỗ trợ thi công các ao, hồ chống chịu biến đổi khí hậu cho các hộ dân nghèo, cận nghèo, phụ nữ trụ cột dân tộc thiểu số (Dự án do tỉnh Đắk Lắk, Quỹ Khí hậu Xanh, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai)

**4. Tiếp tục, kiên trì truyền thông các nội dung cơ bản liên quan đến biến đổi khí hậu nhằm nâng cao nhận thức và biến thành hành động của ngừoi dân vùng đồng bào DTTS**

**a, Tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, của tỉnh về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên** **( có danh mục kèm theo**

**b, Làm rõ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, quản lý thiên nhiên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu**

Nhấn mạnh nguy cơ biến đổi khí hậu đã và đang tác động toàn diện đến đời sống con người, đặc biệt là vùng đồng bào DTTS và miền núi(  53 dân tộc thiểu số, với gần 14 triệu người, sinh sống trên diện tích 17 triệu ha, chiếm hơn 50% lãnh thổ Việt Nam, tập trung ở các vùng núi, trung du, ven biển, cửa sông, rừng đầu nguồn và các lưu vực sông, rừng ven biển, vùng sâu, vùng xa... nơi luôn bị tác động mạnh mẽ của thiên tai, bão lũ, sạt lở, nước biển dâng).

Nêu rõ lý do phải chấp nhận những ảnh hưởng BDKH để có những giải pháp phù hợp, biến những thách thức của biến đổi khí hậu thành những cơ hội để chủ động giảm thiểu và thích ứng dựa trên nguyên tắc giải quyết hài hòa, tính hiệu quả, phù hợp với diễn thế của thiên nhiên được đặt lên hàng đầu.

**c, Tuyên truyền vận động người dân thực hiện 10 nội dung thay đổi lối sống giúp giảm thiểu vấn đề biến đổi khí hậu**

**1. Tiết kiệm năng lượng**

Tiết kiệm năng lượng trong cuộc sống hàng ngày bằng cách tắt đèn và thiết bị điện khi không cần thiết, sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng và rút phích cắm khỏi ổ điện sau khi sử dụng, giúp giảm lượng tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính. Việc tiết kiệm năng lượng góp phần giảm bớt tác động đến môi trường và biến đổi khí hậu.

**2. Sử dụng phương tiện ít ô nhiễm**

Chọn sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi xe đạp hoặc đi bộ thay vì lái ô tô cá nhân giúp giảm đáng kể lượng khí thải nhà kính. Hành động này không chỉ giảm ô nhiễm không khí mà còn khuyến khích một lối sống khỏe mạnh, góp phần vào việc giảm thiểu vấn đề biến đổi khí hậu.

**3. Hạn chế thực phẩm từ thịt**

Giảm tiêu thụ thịt, đặc biệt là thịt đỏ, có thể giảm đáng kể lượng khí thải nhà kính liên quan đến chăn nuôi gia súc. Việc này không chỉ giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường mà còn hỗ trợ một lối sống lành mạnh hơn.

**4. Giảm thiểu rác thải**

Giảm thiểu rác thải bằng cách tái chế, ủ phân và hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần giúp giảm lượng khí thải nhà kính phát ra từ các bãi chôn lấp. Giảm thiểu rác thải không chỉ giảm thiểu ô nhiễm môi trường mà còn góp phần vào việc bảo vệ khí hậu toàn cầu.

**5. Mua sắm thông minh**

Mua sắm thông minh, lựa chọn sản phẩm bền vững, thân thiện với môi trường và lâu dài, giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Hành động này hỗ trợ giảm thiểu lượng rác thải và khí thải nhà kính liên quan đến sản xuất và tiêu dùng.

**6. Trồng nhiều cây xanh**

Trồng cây xanh là một cách hiệu quả để giảm thiểu biến đổi khí hậu, vì cây xanh hấp thụ CO2, một trong những khí nhà kính chính. Bằng cách trồng thêm cây trong sân vườn hoặc hỗ trợ các dự án trồng rừng, chúng ta có thể đóng góp vào việc giảm lượng CO2 trong bầu khí quyển.

**7. Sử dụng năng lượng tái tạo**

Sử dụng năng lượng tái tạo như lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hoặc gió tại nhà giúp giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và giảm phát thải khí nhà kính.

**8. Tham gia vào các hoạt động vận động**

Tham gia vào các hoạt động vận động giúp tăng cường nhận thức về biến đổi khí hậu và thúc đẩy mọi người hành động. Giáo dục bản thân và người khác về biến đổi khí hậu và chia sẻ thông tin là bước quan trọng để nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành động tích cực. Kiến thức là công cụ mạnh mẽ giúp mọi người hiểu được tầm quan trọng của vấn đề và cách họ có thể góp phần giảm thiểu tác động.

**9. Tiết kiệm nước**

Tiết kiệm nước giúp giảm thiểu vấn đề biến đổi khí hậu bằng cách giảm nhu cầu về năng lượng cho việc bơm, xử lý và làm nóng nước, từ đó giảm lượng khí thải nhà kính. Hành động này bao gồm việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước, sửa chữa rò rỉ và áp dụng các phương pháp tưới tiêu hiệu quả.

**10. Sống một lối sống đơn giản**

Sống một lối sống đơn giản và tiết kiệm giúp giảm tác động môi trường bằng cách hạn chế tiêu thụ và phát thải. Lối sống đơn giản bao gồm việc giảm lượng hàng hóa tiêu dùng, chọn lựa sản phẩm bền vững, và giảm lãng phí tài nguyên.

Bằng cách thực hiện những thay đổi nhỏ trong lối sống của mình, chúng ta có thể tạo ra sự khác biệt lớn trong việc chống lại biến đổi khí hậu.

1. **Những nội dung cần chú ý trong công tác tuyên truyền cho đồng bào dân tộc thiểu số trong chủ động thích ứng, ứng phó và giảm thiểu tác động biến đổi khí hậu**

* Nội dung tuyên truyền phải đơn giản, dễ hiểu, các ví dụ sát với cuộc sống, phù hợp với bản sắc văn hóa các dân tộc
* Sử dụng tối đa tiếng noí, chữ viết của đồng bào( với dân tộc TS có chữ viết).
* Ưu tiên truyền thông nhóm nhỏ, các câu lạc bộ, dòng họ, thôn bản; có hình ảnh minh họa về nguyên nhân, giải pháp thích ứng, ứng phó, giảm thiểu thiên tai do biến đổi khí hậu trên toàn cầu và ở Việt Nam, ở địa phương họ đang sinh sống.
* Phát huy vai trò ngừoi có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS chủ động thích ứng, ứng phó biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro do thiên tai.
* Lắng nghe ý kiến phản hồi và tăng cường giả thích minh họa thực tế, tạo tâm thế chủ động, đối diện làm thay đổi hoàn cảnh khách quan; không hoang mang, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền cơ sở rước biến đổi khí hậu; phản bác, đấu tranh với những kẻ xấu lợi dụng biến đổi khí hậu để lôi kéo, dọa dẫm, mê hoặc người dân tham gia các “đạo lạ”, các hoạt động mê tín dị đoan. .
* Có Kế hoạch truyền thông về nội dung, khái niệm về biến đổi khí hậu , khuyến cáo hành động thiết thực về môi trường sống vào trường học các cấp tạo hiệu ứng bảo vệ môi trường sống cho tương lai của con em các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ hữu cơ với cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
* Lồng ghéo các nội dung biến đổi khí hậu trong thực hiện các chuong trình mục tiêu quốc gia.
* Công tác dân vận của hệ thống chính trị thường xuyên nhấn mạnh, lồng ghép toàn diện trong việc triển khai thực hiện phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng ở địa phương hang năm và các giai đoạn chiến lược của quốc gia và các địa phương.

* **Tóm lại:** Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương và chính sách quan tâm đến vùng đồng bào DTTS và miền núi, đã có nhiều Chương trình dự án đầu tự nhằm nâng cao chất lượng sống cho các vùng khó khăn của cả nước. Các nhóm tập trung đầu tự là:

**Nâng cao hiệu quả thích ứng** với biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.

**Tăng cường khả năng chống chịu** và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và đa dạng sinh học thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

**Ưu tiên giảm nhẹ rủi ro thiên tai** và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu.

Quan điểm của Nhà nước hiện nay là xem xét lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các nỗ lực thích ứng sẽ tập trung vào sự thay đổi các quá trình cũng như những yếu tố gây ra tính dễ bị tổn thương. Qua đó các vấn đề nghèo đói, giới, sinh kế và khả năng tiếp cận thông tin và cơ sở hạ tầng cũng sẽ được xem xét và giải quyết…/.

**Một số văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước liên quan đến ứng phó, thích ứng, biến đổi khí hậu**

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT

- Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 về tiếp tục thực Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 896/2022/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050

- Hướng dẫn số 123-HD/BTGTW, ngày 23/11/2023 của Ban Tuyên giáo Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

- Công văn số 1263/BTNMT-VP ngày 29/2/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về định hướng tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên và môi trường năm 2024.

- Chương trình hành động và KH triển khai chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về biến đổi khí hậu đến cơ sở; nhân các mô hình, dự án thích ứng biến đổi khí hậu có hiệu quả nhiều hơn trong đời sống nhân dân.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS với 10 dự án đều lồng ghép các nội dung, tạo sinh kế, điều kiện để thích ứng biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt các mục tiêu sẽ đóng góp tích cực mạnh mẽ cho thích ứng biến đổi khí hậu.